

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/DS-PT
Ngày: 09-02-2023
V/v tranh chấp ranh đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Yến
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thu
Ông Nguyễn Thiện Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chiêu Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền, Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 551/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp ranh đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 199/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 546/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Mai Thị T, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

1.2. Bà Mai Thị Tr, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

1.3. Ông Mai Văn T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Mai Văn K, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Mai Văn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 26/11/2021, đơn thay đổi nội dung khởi kiện ngày 18/8/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Mai Thị T trình bày như sau:

Cụ Mai Văn Tr, sinh năm 1936 và cụ Phan Thị D, sinh năm 1919 là vợ chồng. Cụ Tr và cụ D có ba người con là Mai Thị T, Mai Thị Tr và Mai Văn T. Ngoài ra, không có con chung hay con riêng nào khác. Do tuổi cao sức yếu nên cụ Tr và cụ D lần lượt qua đời. Khi chết, hai cụ đều không để lại di chúc. Sinh thời, cha mẹ ông bà có tạo lập được quyền sử dụng đất thừa đất số 67 (thửa mới 248), tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An và phần đất này ông bà chưa chia thừa kế. Hiện thửa đất này do ông Mai Văn T đang quản lý, sử dụng để trồng lúa ổn định từ trước đến nay, không tranh chấp với ai. Giáp ranh với thửa đất 67 là thửa đất 90, tờ bản đồ số 02 của ông Mai Văn K.

Sau khi đường Gò Mây làm xong, ông K đem cọc xi măng ra cắm trên thửa đất số 67, tờ bản đồ số 02 của ông bà, lấn đất ngang 0,5 mét (tính từ đường Gò Mây vào), dài khoảng 20 mét (dọc theo đường Gò Mây), diện tích 10m². Ông bà có ra ngăn cản nhưng ông K vẫn cắm trụ xi măng.

Ông bà nhiều lần trao đổi, yêu cầu ông K di dời trụ xi măng, trả lại đất cho ông bà nhưng ông K không hợp tác. Ông bà đã nộp đơn đến Ủy ban nhân dân xã H yêu cầu giải quyết tranh chấp. Ngày 05/11/2021, Ủy ban nhân dân xã mời hai bên đến nhưng hòa giải không thành.

Nay ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Mai Văn K tháo dỡ trụ xi măng và hàng rào lưới B40 cắm trên đất, dọn hàng chuối và trả lại cho ông bà diện tích đất đã lấn chiếm theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 193/2022 do Công ty TNHH Đo đạc Nhà đất TN đo đạc ngày 14/7/2022, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 25/7/2022.

Trước đây, các ông bà biết thửa đất 90, tờ bản đồ số 02 là do bà Mai Thu T1 đứng tên quyền sử dụng đất nên khởi kiện bà T1. Sau này, biết được bà T1 đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Mai Văn K, ông K đã được đứng tên quyền sử dụng đất nên ông bà thay đổi tư cách tố tụng của bị đơn là bà Mai Thu T1 sang ông Mai Văn K.

Nguyên đơn bà Mai Thị Tr trình bày: Bà thống nhất theo lời trình bày của bà T, bà không có ý kiến gì khác.

Nguyên đơn ông Mai Văn T trình bày: Ông thống nhất theo lời trình bày

của bà T, ông không có ý kiến gì khác. Do bận công việc nên ông xin được vắng trong các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử của Tòa án.

2. Bị đơn ông Mai Văn K trình bày:

Ông là anh ruột của bà Mai Thu T1, con ông Mai Văn L và bà Nguyễn Thị R. Thừa đất số 90, tờ bản đồ số 02, đất tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An là do ba mẹ ông cho ông, nhưng ông đi làm ăn xa nên ba mẹ ông tặng cho bà T1 thừa đất trên năm 2012. Sau đó, công việc của ông ổn định nên đến năm 2017, bà T1 chuyển nhượng lại cho ông thừa đất. Hiện nay, ông đang đứng tên, quản lý sử dụng thừa đất nêu trên. Thừa đất ông tiếp giáp với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 02, đất tại xã H. Theo sơ đồ địa chính cũ thì ngăn cách hai thửa là con đường đất (hiện nay là đường đá xanh). Trên thửa đất số 90, tờ bản đồ số 02, đất thổ cư tại xã H là bờ tre của ông bà để lại, bờ tre này do gia đình ông quản lý từ thời ông cố cho đến giờ. Đến khoảng năm 2021, địa phương vận động mở đường, gia đình cho phá bờ tre để làm đường. Lúc đó, phía nguyên đơn có thương lượng với gia đình ông, lấy lại phần đất trồng tre, sẽ trả 3.000.000 đồng, gia đình ông không đồng ý nên hai bên xảy ra mâu thuẫn. Hiện trạng đất tranh chấp là ông trồng trụ xi măng và giăng lưới B40 từ khoảng tháng 8,9/2021 cho đến nay. Lúc ông cấm trụ, phía nguyên đơn không ngăn cản.

Nay các nguyên đơn buộc ông tháo dỡ trụ xi măng cấm trên đất của bà Mai Thị T, Mai Thị Tr, Mai Văn T và trả lại cho bà T, bà Tr và ông T diện tích đất 37,3m² thuộc thửa đất số 67, tờ bản đồ số 02, đất tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, vì đó là đất của ông.

Các nguyên đơn, bị đơn đồng ý với Mạnh trích đo địa chính số 193-2022 do Công ty TNHH Đo đạc nhà đất TN đo đạc, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 25/7/2022 và Chứng thư thẩm định giá số 300/12/09/2022/TĐG LA – BĐS ngày 12/9/2022 của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Tư vấn HD.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An tiến hành hòa giải tranh chấp giữa các bên nhưng kết quả không thành nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 199/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 165, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Điều 26, 166, 203 của Luật đất đai năm 2013; điểm a khoản 2 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị T, bà Mai Thị Tr, ông Mai Văn T về việc “Tranh chấp ranh đất” đối với ông Mai Văn K.

Buộc ông Mai Văn K và bà Nguyễn Thị Ngọc M phải có trách nhiệm liên đới di dời công trình kiến trúc xây dựng trên đất, di dời các cây trồng trên đất và các tài sản có trên đất trả lại quyền sử dụng đất diện tích 37,3m² thuộc một phần thửa số 67 (thửa mới số 248) cho bà Mai Thị T, bà Mai Thị Tr, ông Mai Văn T theo Mảnh trích đo địa chính số 193-2022 do Công ty TNHH Đo đạc nhà đất TN đo đạc, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 25/7/2022.

2. Về chi phí thẩm định, định giá, đo đạc: Ông Mai Văn K và bà Nguyễn Thị Ngọc M chịu 28.500.000 đồng. Bà Mai Thị T, bà Mai Thị Tr, ông Mai Văn T đã nộp xong, ông K và bà Nguyễn Thị Ngọc M có trách nhiệm trả lại cho bà T, bà Tr và ông T số tiền 28.500.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai Văn K và bà Nguyễn Thị Ngọc M phải liên đới chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, sung công quỹ nhà nước. Hoàn trả bà Mai Thị Tr 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009211 ngày 07/12/2021 và hoàn lại ông Mai Văn T số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009212 ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án đối với các đương sự.

Bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 28/9/2022, bị đơn ông Mai Văn K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Bị đơn ông Mai Văn K vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

Các nguyên đơn bà Mai Thị T, bà Mai Thị Tr đề nghị tòa án cấp phúc thẩm giữ y bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn vì phần đất tranh chấp có nguồn gốc của gia đình các bà.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng thì con đường hiện hữu có chiều ngang khoảng 5,4m được mở rộng từ con đường cũ có chiều ngang khoảng 3m. Các hộ dân có đất cặp đường đều phá bỏ hàng rào và cây trồng để mở rộng đường như hiện nay. Gia đình ông Mai Văn K cũng phá bỏ hàng tre, hiện nay ông K và gia đình đang sử dụng phần đất tại khu C có diện tích 37,3m² thuộc thửa đất số 67 thửa mới 248 theo Mảnh trích đo địa chính số 193-2022 do Công ty TNHH Đo đạc nhà đất TN đo đạc, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 25/7/2022 của các nguyên đơn nên các nguyên

đơn yêu cầu ông Mai Văn K tháo dỡ trụ xi măng và hàng rào lưới B40 cắm trên đất, dọn hàng chuối và trả lại cho các nguyên đơn diện tích đất đã lấn chiếm là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của Bị đơn là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Mai Văn K được thực hiện đúng quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Mai Thị T, bà Mai Thị Tr, ông Mai Văn T khởi kiện “Tranh chấp ranh đất” đối với ông Mai Văn K. Các thửa đất tranh chấp tọa lạc tại huyện Đ và bị đơn cư ngụ tại huyện Đ nên Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Mai Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

[4] Về nguồn gốc đất tranh chấp:

[4.1] Nguồn gốc thửa đất số 67 (thửa mới 248), tờ bản đồ số 2, diện tích 3613m², loại đất LM, tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An do cha mẹ các nguyên đơn tạo lập. Cụ Phan Thị D (mẹ ruột của các nguyên đơn) được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào ngày 17/7/2002 gồm 06 thửa đất, trong đó có thửa đất số 67.

[4.2] Nguồn gốc thửa đất số 90, (thửa mới 247), tờ bản đồ số 2, diện tích 1715m², loại đất ONT, tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An do cha mẹ ruột ông K là cụ Mai Văn L và cụ Nguyễn Thị R tặng cho con gái là bà Mai Thu T1, bà T1 được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào ngày 14/11/2012. Ngày 19/9/2017, Chi nhánh Văn phòng đăng ký Đất đai tại huyện Đ cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính từ bà T1 sang ông Mai Văn K (do nhận chuyển nhượng).

[5] Xét kháng cáo của ông Mai Văn K, thấy rằng:

[5.1] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do các bên nguyên đơn, bị đơn cung cấp và Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 193-2022 do Công ty TNHH Đo đạc Nhà đất TN đo đạc, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 25/7/2022 thể hiện diện tích thực tế thửa đất số 67 (thửa mới 248) và thửa đất số 90, (thửa mới 247), cùng tờ bản đồ số 2, tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An đều ít hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các bên được cấp.

[5.2] Các người làm chứng sinh sống lâu năm tại ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (sống gần phần đất tranh chấp) như ông Mai Văn M, sinh năm 1963; bà

Mai Thị V, sinh năm 1964; bà Mai Thị C, sinh năm 1963 đều xác định: Con đường hiện hữu (Gò Mây) có chiều ngang khoảng 5,4m được mở rộng từ con đường cũ có chiều ngang khoảng 3m. Gia đình các ông bà phá bỏ hàng rào bê tông, hàng cây để mở rộng đường như hiện nay. Gia đình ông Mai Văn K thì phá bỏ hết hàng tre xuống tới đầu ruộng ông Mai Văn T.

[5.3] Tại đơn khởi kiện ngày 26/11/2021, các nguyên đơn tranh chấp với bị đơn một phần thửa đất số 67, tờ bản đồ số 2, tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An có chiều ngang 0,5m x 20m, ước tính khoảng 10m² đất. Sau khi có Mảnh trích đo địa chính số 193-2022 do Công ty TNHH Đo đạc Nhà đất TN đo đạc, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 25/7/2022, các nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện. Tại Đơn khởi kiện ngày 18/8/2022, các nguyên đơn yêu cầu bị đơn tháo dỡ trụ xi măng và hàng rào lưới B40 cắm trên đất, dọn hàng chuối và hoàn trả diện tích đất lấn chiếm theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 25/7/2022.

[5.4] Căn cứ Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 193-2022 do Công ty TNHH Đo đạc Nhà đất TN đo đạc, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 25/7/2022, phần đất tranh chấp tại khu C có diện tích 37,3m², loại đất lúa, thuộc một phần thửa số 67 (thửa mới số 248) nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Phan Thị D (mẹ ruột của các nguyên đơn, đã chết) nên các nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Mai Văn K di dời hàng rào và cây trồng trên đất, trả lại diện tích đất tại khu C cho các nguyên đơn là có căn cứ. Mặt khác, đất của cụ Phan Thị D (mẹ ruột các nguyên đơn là đất lúa), còn đất của bị đơn là đất thổ cư. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, buộc ông Mai Văn K và bà Nguyễn Thị Ngọc M phải có trách nhiệm liên đới di dời công trình kiến trúc xây dựng trên đất, di dời các cây trồng trên đất và các tài sản có trên đất trả lại quyền sử dụng đất diện tích 37,3m² thuộc một phần thửa số 67 (thửa mới số 248) cho bà Mai Thị T, bà Mai Thị Tr, ông Mai Văn T là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về chi phí tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông K và bà Mai phải chịu chi phí tố tụng. Do các nguyên đơn đã tạm ứng chi phí tố tụng nên buộc ông K và bà Mai có trách nhiệm trả lại cho bà T, bà Tr và ông T số tiền 28.500.000 đồng là phù hợp. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án đối với khoản tiền bị đơn phải trả cho các nguyên đơn là thiếu sót, cấp phúc thẩm bổ sung trong quyết định.

[7]. Về chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ) tại giai đoạn phúc thẩm là 2.200.000 đồng (Hai triệu hai trăm nghìn đồng). Ông Mai Văn K là người kháng cáo có yêu cầu nên phải chịu chi phí tố tụng này, bị đơn đã nộp và chi phí xong.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp, đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Mai Văn K phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Mai Văn K.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 199/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An về chi phí tố tụng và cách tuyên án.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, Điều 147, 148, 157, 165, 227, 228 và 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 26, 166, 203 của Luật đất đai năm 2013.

Áp dụng điểm a khoản 2 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị T, bà Mai Thị Tr, ông Mai Văn T về việc “Tranh chấp ranh đất” đối với bị đơn ông Mai Văn K.

Buộc ông Mai Văn K và bà Nguyễn Thị Ngọc M phải có trách nhiệm liên đới di dời công trình kiến trúc xây dựng trên đất, di dời các cây trồng trên đất và các tài sản có trên đất trả lại quyền sử dụng đất diện tích 37,3m² thuộc một phần thửa số 67 (thửa mới số 248) cho bà Mai Thị T, bà Mai Thị Tr, ông Mai Văn T.

(Theo Mảnh trích đo địa chính số 193-2022 do Công ty TNHH Đo đạc Nhà đất TN đo đạc, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 25/7/2022 và Phụ lục Mảnh trích đo địa chính số 193-2022 được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 25/7/2022 đính chính tên bị đơn từ Mai Thu T1 thành Mai Văn K).

2. Về chi phí thẩm định, định giá, đo đạc: Ông Mai Văn K và bà Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu 28.500.000 đồng. Bà Mai Thị T, bà Mai Thị Tr, ông Mai Văn T đã nộp xong. Do đó, ông K và bà Mai có trách nhiệm nộp trả lại cho bà T, bà Tr và ông T số tiền 28.500.000 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai Văn K và bà Nguyễn Thị Ngọc M phải liên đới chịu 300.000 đồng sung công quỹ nhà nước. Hoàn trả cho bà Mai Thị Tr 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009211 ngày 07/12/2021 và hoàn lại cho ông Mai Văn T số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009212 ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ.

5. Về chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ) tại giai đoạn phúc thẩm là 2.200.000 đồng (Hai triệu hai trăm nghìn đồng). Ông Mai Văn K là người kháng cáo có yêu cầu nên phải chịu chi phí tố tụng này, bị đơn đã nộp và chi phí xong.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Mai Văn K phải chịu 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000022 ngày 28/9/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ sang thi hành án phí.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Ngọc Yến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tấn Quốc Trần Trọng Nhân

Đinh Thị Ngọc Yến

